

Số: *329* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *30* tháng *01* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2019, tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 120/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc ban hành quy định chi tiết thực hiện dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên: số 47/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 ban hành quy chế hỗ trợ đầu tư xây dựng

kết cấu hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020; số 13/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh; số 09/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;

Căn cứ Kết luận số 345-KL/TU ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Kết luận số 347-KL/TU ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kết quả phân bổ vốn đầu tư công năm 2018, kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2019; Kết luận số 351-KL/TU ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, kỳ họp thứ 8: số 10/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; số 16/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 về việc phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2019; số 20/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 về kế hoạch vốn đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 174/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2019 tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2019:

1. Chương trình 135: Tổng số vốn là 111.990 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 100.930 triệu đồng;
- + Vốn ĐTPT: 73.701 triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp: 27.229 triệu đồng;
- Vốn ĐTPT nguồn vốn NSDP đối ứng: 11.060 triệu đồng
- + Vốn ngân sách tỉnh: 6.770 triệu đồng;
- + Vốn ngân sách cấp huyện: 4.290 triệu đồng;

(Chi tiết tại Biểu số 1.1, 1.2 kèm theo)

2. Các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo; truyền thông và giảm nghèo về thông tin; nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giảm nghèo (vốn sự nghiệp):

- Tổng số vốn sự nghiệp nguồn vốn NSTW: 4.124 triệu đồng

(Chi tiết tại Biểu số 1.3 kèm theo)

II. Vốn ĐTPT nguồn vốn NSTW và NSDP thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới năm 2019:

Tổng số: 293.200 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn NSTW: 198.200 triệu đồng;
- Vốn NSDP: 95.000 triệu đồng;

(Chi tiết tại các Biểu số 2, 2.1, 2.2, 2.3 kèm theo)

III. Vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện các CTMTQG năm 2019:

Căn cứ Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 và Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Thái Nguyên, giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối ngân sách địa phương năm 2019 đối ứng phần vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương đã giao; UBND các huyện, thành phố, thị xã bố trí ngân sách cấp huyện thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia theo đúng quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, UBND các huyện, thành phố, thị xã quản lý và sử dụng nguồn vốn được phân bổ đúng mục đích, đảm bảo tiến độ, hiệu quả đầu tư và theo đúng các quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 Quyết định này và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ, Thông tư và văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành và Nghị quyết HĐND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT, Ban Dân tộc tỉnh, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối N1M Trung ương;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- LĐVP: Đ/c Trưởng;
- Lưu: VT, KT, TH.

pth/th1/88

ph



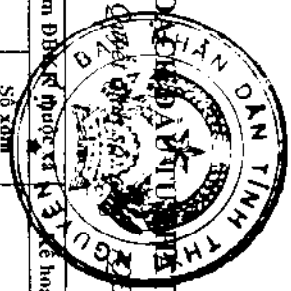
CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Bắc

KẾ HOẠCH TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2019 TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng



STT	Địa phương cấp huyện	Số xã CT135 (Xã khu vực III, xã ATK)	Số xóm DBKK được cấp vốn 135 (mỗi xã không quá 4 xóm)				Số xóm DBKK được cấp vốn 135 (mỗi xã không quá 4 xóm)				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Kế hoạch năm 2019				Đơn vị thực hiện
			Tổng số xóm	DBKK cấp vốn 135	DBKK cấp vốn 135	DBKK cấp vốn 135	DBKK cấp vốn 135	NSTW	NSDP	Trong đó		NSTW	NSDP		Trong đó						
										NS tỉnh					NS huyện	NS tỉnh	NS huyện				
TỔNG SỐ		63	94	63	386.216	358.458	27.758	17.099	10.659	84.761	73.701	11.060	6.770	4.290							
1	Huyện Võ Nhai	11	3	3	75.948	71.350	4.598	3.218	1.380	13.766	11.970	1.796	1.257	539	UBND huyện Võ Nhai						
2	Huyện Đình Hòa	20	23	9	108.996	100.386	8.610	6.027	2.583	24.812	21.576	3.236	2.265	971	UBND huyện Đình Hòa						
3	Huyện Đại Từ	16	4	4	81.686	75.582	6.104	3.052	3.052	18.009	15.659	2.350	1.175	1.175	UBND huyện Đại Từ						
4	Huyện Phú Lương	5	14	11	37.442	34.522	2.920	1.460	1.460	8.353	7.263	1.090	545	545	UBND huyện Phú Lương						
5	Huyện Đông Hy	7	3	3	38.919	36.027	2.892	2.025	867	8.953	7.785	1.168	818	350	UBND huyện Đông Hy						
6	Huyện Phú Bình	2	20	16	21.520	20.228	1.292	646	646	5.357	4.657	700	350	350	UBND huyện Phú Bình						
7	Thị xã Phổ Yên	2	26	16	20.615	19.363	1.252	626	626	5.281	4.591	690	345	345	UBND thị xã Phổ Yên						
8	Thành phố Sông Công		1	1	1.096	1.000	96	45	45	230	200	30	15	15	UBND tp Sông Công						

Biểu số 1.2

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2019 TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số: 829 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số xã CT135 (Xã khu vực III, xã ATK)	Số xóm DBKK thuộc xã KVII		Tổng số xóm DBKK xã KVII	Số xóm DBKK được cấp vốn 135 (mỗi xã không quá 4 xóm)	Tổng số	Vốn sự nghiệp NSTW				Đơn vị thực hiện
			Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế	Nhân rộng mô hình giảm nghèo (*)				Trong đó:		Duy tu bảo dưỡng		
								Nâng cao năng lực cho CBCS và CD				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
	Tổng cộng	63	94	63	27.229	15.173	3.793	2.933	5.330			
1	Huyện Võ Nhai	11	3	3	4.404,6	2.750,0	688,8		965,8	UBND huyện Võ Nhai		
2	Huyện Định Hóa	20	23	9	7.924,4	4.947,6	1.239,3		1.737,5	UBND huyện Định Hóa		
3	Huyện Đại Từ	16	4	4	4.484,2	2.799,7	701,3		983,2	UBND huyện Đại Từ		
4	Huyện Phú Lương	5	14	11	2.382,8	1.487,8	372,5		522,5	UBND huyện Phú Lương		
5	Huyện Đồng Hỷ	7	3	3	2.765,4	1.726,6	432,5		606,3	UBND huyện Đồng Hỷ		
6	TX Phổ Yên	2	20	16	1.141,9	712,9	178,6		250,4	UBND tx Phổ Yên		
7	Huyện Phú Bình	2	26	16	1.150,8	718,5	180		252,3	UBND huyện Phú Bình		
8	TP Sông Công		1	1	42	30			12	UBND tp Sông Công		
9	Ban Dân tộc tỉnh				2.933			2.933		Ban Dân tộc tỉnh		

(*) Ghi chú:

- Dự án Nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn liên xã thuộc CT 135 và địa bàn liên xã ngoài CT 30a và 135 tại cấp huyện do Trạm Khuyến nông thực hiện

Biểu số 1.3

KẾ HOẠCH VỐN CHƯNG TÍNH GIẢM NGHÈO BÊN NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH 135



(Kèm theo Quyết định số 100/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số xã CT135 (Xã khu vực III, xã ATK)	Số xóm DBKK xã KVII	Số xóm DBKK được cấp vốn 135 (mỗi xã không quá 4 xóm)	Số xã ngoài CT 30a và CT 135	Tổng số	Kế hoạch vốn sự nghiệp NSTW năm 2019 (*)			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
							Nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài CT 30a và CT 135	Trong đó:	Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin		
	Tổng cộng	63	94	63	117	4.124,0	1.090,0	1.005,6	1.298,0		
1	TP Thái Nguyên	0	0	0	32	275,0	190,0	0,0	85,0	UBND tp Thái Nguyên	
2	TP Sông Công	0	1	1	11	190,0	150,0	0,0	40,0	UBND tp Sông Công	
3	TX Phú Yên	2	20	16	16	250,0	170,0	0,0	80,0	UBND tx Phú Yên	
4	Huyện Phú Bình	2	26	16	18	280,0	190,0	0,0	90,0	UBND h. Phú Bình	
5	Huyện Phú Lương	5	14	11	10	180,0	110,0	0,0	70,0	UBND h. Phú Lương	
6	Huyện Đại Từ	16	4	4	14	320,0	170,0	0,0	150,0	UBND h. Đại Từ	
7	Huyện Đông Hy	7	3	3	8	190,0	110,0	0,0	80,0	UBND h. Đông Hy	
8	Huyện Định Hóa	20	23	9	4	130,0	0,0	0,0	130,0	UBND h. Định Hóa	
9	Huyện Võ Nhai	11	3	3	4	90,0	0,0	0,0	90,0	UBND h. Võ Nhai	
10	Sở Thông tin và TT					603,6		603,6	0,0	Sở Thông tin và TT	
11	Sở Lao động - TBXH					645,0		302,0	343,0	Sở Lao động - TBXH	
12	Hội Liên hiệp PN tỉnh					170,0		100,0	70,0	Hội Liên hiệp PN tỉnh	
13	Hội Nông dân tỉnh					70,0		0,0	70,0	Hội Nông dân tỉnh	
14	Số vốn còn lại					730,4					Phân bổ chi tiết sau

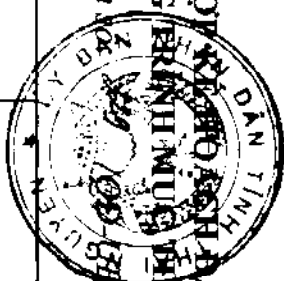
(*) Ghi chú:

- Dự án Nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn liên xã thuộc CT 135 và địa bàn liên xã ngoài CT 30a và 135 tại cấp huyện do Trạm Khuyến nông thực hiện
- Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình giảm nghèo tại cấp huyện do Phòng Lao động - TB&XH chủ trì thực hiện
- Dự án truyền thông và giám nghề về thông tin: Sở LĐTBXH thực hiện hoạt động truyền thông về giảm nghèo; Sở TTTT thực hiện hoạt động giảm nghèo về thông tin.
- Hội LHPN tỉnh, Hội Nông dân tỉnh phối hợp dự án 4, 5.

TỈNH HỒI ĐỨC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT	Đơn vị	Tổng số xã	Xã đang ký đạt chuẩn	Tổng hợp số xã kế hoạch 2019				Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã không thuộc ưu tiên	Xã ATK, DBK K	Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP											
				Trong đó		Xã đăng ký đạt chuẩn NTM 2019	Xã đạt từ 15 tiêu chí							Xã không thuộc ưu tiên	Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới	Tổng số	Trước: Thu hồi ứng trước KH năm 2018 cho 11 xã								
				11 xã bổ sung đạt chuẩn năm 2018	Xã đạt từ 15 tiêu chí													Xã đăng ký đạt chuẩn NTM 2019	Xã đạt từ 15 tiêu chí						
TỔNG SỐ:													139	22	7	4	8	3	38	4	75	293.200	198.200	95.000	44.000
1	TP. Thái Nguyên	11	0							11	6.424	5.958	466	-											
2	TP. Sông Công	4	0							4	2.633	2.167	466	-											
3	TX. Phú Yên	14	3	1	2					11	24.381	11.915	12.466	12.000											
4	H. Đại Từ	28	4	1	1	2				14	50.860	34.394	16.466	8.000											
5	H. Phú Lương	13	2	1		1				8	22.008	13.542	8.466	4.000											
6	H. Phú Bình	19	5	1	1		3			12	39.423	18.957	20.466	8.000											
7	H. Đông Hy	13	3	1						6	30.883	18.416	12.467	4.000											
8	H. Định Hóa	23	3	1						6	52.549	40.082	12.467	4.000											
9	H. Võ Nhai	14	2	1						3	33.924	25.457	8.467	4.000											
10	CT Nước sạch VSMT nông thôn		0								6.000	6.000													
11	CT Thông tin và TT CS		0								2.312	2.312													
12	BỘ L DA ĐTXD các CT NN & PTNT										2.803		2.803												
13	Thực hiện các Đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Phần bổ chi tiết sau)										19.000	19.000													

Biểu số 2.1:

GAO KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOQ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 323 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn NSTW năm 2019 (*)										Đơn vị thực hiện								
		Tổng hợp số xã kế hoạch 2019					Xã đăng ký đạt chuẩn													
		Tổng số xã	Xã đăng ký đạt chuẩn		Xã không ưu tiên	Xã ATK, DBKK	Xã đã đạt chuẩn NTM	Tổng cộng	Tổng số	Trong đó			Xã ATK, DBKK - HS 4	Xã không ưu tiên - HS 1	Xã đã đạt chuẩn NTM- HS 1					
			Xã ATK, DBKK	Xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới 2019						Xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019										
Xã đạt từ 15 tiêu chí	Xã đạt từ 15 tiêu chí																			
	TỔNG SỐ:	139	22	7	4	8	3	38	4	75	198.200	45.769	15.168	7.582	17.332	5.687	82.329	2.166	40.624	
1	TP. Thái Nguyên	11	0							11	5.958	-	-	-	-	-	-	-	5.958	UBND TP Thái Nguyên
2	TP. Sông Công	4	0							4	2.167	-	-	-	-	-	-	-	2.167	UBND TP Sông Công
3	TX. Phú Yên	14	3	1	2					11	11.915	5.957	2.166	3.791	-	-	-	-	5.958	UBND TX Phú Yên
4	H. Đại Từ	28	4	1	1	2		8	2	14	34.394	8.395	2.167	1.895	4.333	-	17.333	1.083	7.583	UBND H. Đại Từ
5	H. Phú Lương	13	2	1	1	1		2	1	8	13.542	4.334	2.167	-	2.167	-	4.333	542	4.333	UBND H. Phú Lương
6	H. Phú Bình	19	5	1	1		3	1	1	12	18.957	9.750	2.167	1.896	-	5.687	2.166	541	6.500	UBND H. Phú Bình
7	H. Đồng Hỷ	13	3	1		2		4	4	6	18.416	6.500	2.167	-	4.333	-	8.666	-	3.250	UBND H. Đồng Hỷ
8	H. Định Hóa	23	3	1		2		14	14	6	40.082	6.500	2.167	-	4.333	-	30.332	-	3.250	UBND H. Định Hóa
9	H. Võ Nhai	14	2	1		1		9	9	3	25.457	4.333	2.167	-	2.166	-	19.499	-	1.625	UBND H. Võ Nhai
10	CT Nước sạch VSM T nông thôn										6.000	-	-	-	-	-	-	-	-	Chi tiết tại Biểu số 2.3
11	CT Thông tin và Truyền thông										2.312	-	-	-	-	-	-	-	-	
12	Thực hiện các Đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*)										19.000	-	-	-	-	-	-	-	-	(Phân bổ chi tiết sau)

* Ghi chú:

- Nguyên tác phân bổ: theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh, cụ thể: Xã ATK và xã DBKK hệ số 4; Xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên hệ số 3,5; Xã không thuộc đối tượng ưu tiên hệ số 1
- Nguồn vốn NSTW 19 tỷ đồng: Thực hiện các Đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (QĐ số 461/QĐ-TTg ngày 07/4/2018 phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, Liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả đến năm 2020; QĐ số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 về phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020; QĐ số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 phê duyệt chương trình HTX giai đoạn 2015-2020); Phân bổ chi tiết sau.

Biểu số 2.2:

KẾ HOẠCH CHI TIẾT VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MŨI CỎ XÂY DỰNG NÔNG THÔN

MŨI NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng hợp số xã Kế hoạch 2019						Kế hoạch năm 2019						Đơn vị thực hiện		
		Tổng số xã	Cộng	11 xã bổ sung đạt chuẩn năm 2018		Xã đăng ký đạt chuẩn NTM năm 2019		Xã chưa đạt chuẩn	Xã đã đạt chuẩn NTM	Phân bổ kế hoạch năm 2019 (*)		Xã kiến mẫu				
Xã ATK, DBKK	Xã đạt từ 15 tiêu chí			Xã ATK, DBKK	Xã đạt từ 15 tiêu chí	Xã ATK, DBKK	Xã đạt từ 15 tiêu chí			Thu hồi vốn tăng trước 11 xã bổ sung đạt chuẩn năm 2018	Xã đạt từ 15 tiêu chí		Xã ATK, DBKK	Xã đạt từ 15 tiêu chí		
TỔNG SỐ:		139	22	7	4	8	3	42	75	95.000	28.000	16.000	32.000	12.000	4.197	
1	TP. Thái Nguyên	11	0					0	11	466					466	UBND TP Thái Nguyên
2	TP. Sông Công	4	0					0	4	466					466	UBND TP Sông Công
3	TX. Phú Yên	14	3	1	2			0	11	12.466	4.000	8.000			466	UBND TX Phú Yên
4	H. Đại Từ	28	4	1	1	2		10	14	16.466	4.000	4.000	8.000		466	UBND H. Đại Từ
5	H. Phú Lương	13	2	1		1		3	8	8.466	4.000		4.000		466	UBND H. Phú Lương
6	H. Phú Bình	19	5	1	1		3	2	12	20.466	4.000	4.000	0	12.000	466	UBND H. Phú Bình
7	H. Đông Hồ	13	3	1		2		4	6	12.467	4.000		8.000		467	UBND H. Đông Hồ
8	H. Định Hóa	23	3	1		2		14	6	12.467	4.000		8.000		467	UBND H. Định Hóa
9	H. Võ Nhai	14	2	1		1		9	3	8.467	4.000		4.000		467	UBND H. Võ Nhai
10	BQL DA DTXD các CT NN & PTNT									2.803						BQL DA đầu tư XD các CT NN & PTNT

(*) Ghi chú: Nguyên tắc phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh. Phân vốn còn thiếu theo định mức, UBND tỉnh sẽ bố trí phân bổ sau.

Biểu số 2.3:

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019 TỈNH THÁI NGUYÊN

Các dự án do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện

(Kèm theo Quyết định số: 229 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số QB, ngày, tháng, năm PD	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2019		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Tổng số	TMDT		NSTW	NSDP	NSTW			NSDP
				NSTW	NSDP						
	TỔNG SỐ:		31.764	12.619	15.000	4.145	8.312	2.803			
I	Dự án chuyển tiếp		15.000	0	15.000	0	0	2.803			
1	Đường cứu hộ, cứu nạn đê Sông Công đoạn từ đường Quốc lộ 3 (K35+350) đến đê Sông Công (K4+900), thị xã Phú Yên	3305, 30/10/2017	15.000		15.000			2.803	BQLDA đầu tư XD các CT Nông nghiệp & PTNT		
II	Dự án khởi công mới		16.764	12.619	0	4.145	8.312	0			
1	Nâng cấp, cải tạo Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	3252, 31/10/2018	3.147	2.832		315	1.700		Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh MTNT		
2	Cấp nước sinh hoạt xóm Gò Lá, Bãi Chè, Đồng Mè, xã Khôi kỳ huyện Đại Từ	3251, 31/10/2018	3.301	2.971		330	1.700		Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh MTNT		
3	Cấp nước sinh hoạt xóm Tân Tiến 1 + 2 xã Quân Chu, huyện Đại Từ	3253, 31/10/2018	1.992	1.793		199	1.050		Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh MTNT		
4	Nâng cấp, cải tạo Cấp nước sinh hoạt xã Nga My, huyện Phú Bình	3195, 29/10/2018	1.195	1.070		125	600		Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh MTNT		
5	Nâng cấp, mở rộng Cấp nước sinh hoạt Làng Hang, Làng Cũ xã Phương Giao, H.Võ Nhai	3254, 31/10/2018	1.727	1.641		86	950		Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh MTNT		
6	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	3304, 31/10/2018	5.402	2.312		3.090	2.312	2.312	Sở Thông tin - Truyền thông		